

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5716/QĐ - UBND

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho người có công với cách mạng thành phố Hà Nội theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ hướng tới kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh-Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2017)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ văn bản số 228/TB-TU ngày 17/6/2016 của Thành ủy Hà Nội thông báo kết luận của Thường trực Thành ủy về việc xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người có công hướng tới kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ;

Căn cứ Kế hoạch số 190/KH - UBND ngày 7 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho người có công với cách mạng thành phố Hà Nội theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ hướng tới kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2017);

Xét đề nghị của Liên Sở: Lao động Thương binh và Xã hội - Tài chính tại Tờ trình số 2602/TTr-LS: LĐTBOXH - TC ngày 5 tháng 10 năm 2016 về việc ban hành Kế hoạch hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho người có công với cách mạng thành phố Hà Nội theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ hướng tới kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2017),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho người có công với cách mạng thành phố Hà Nội theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ: Thực hiện hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà ở đối với số hộ gia đình người có công với cách mạng theo Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của UBND Thành phố.

2. Mức hỗ trợ:

2.1. Hỗ trợ từ ngân sách (Ngân sách Trung ương, Thành phố hỗ trợ)

- Đối với trường hợp phải phá dỡ xây mới nhà ở: hỗ trợ 40 triệu đồng/hộ.

- Đối với trường hợp phải sửa chữa khung, tường và thay mới mái nhà ở: hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ.

2.2. Từ nguồn vận động xã hội hóa:

- Đối với trường hợp phải phá dỡ xây mới nhà ở: dự kiến hỗ trợ thêm 30 triệu đồng/hộ.

- Đối với trường hợp phải sửa chữa khung, tường và thay mới mái nhà ở: dự kiến hỗ trợ thêm 15 triệu đồng/hộ.

Mức hỗ trợ cụ thể được xác định trên cơ sở số kinh phí huy động thực tế.

3. Dự kiến kinh phí hỗ trợ:

Tổng số kinh phí hỗ trợ: 378.630 triệu đồng (7.298 hộ bao gồm: 3.520 hộ xây mới nhà ở, 3.778 hộ sửa chữa), trong đó:

- Từ ngân sách (Ngân sách Trung ương, Thành phố): 216.360 triệu đồng.

- Từ nguồn vận động xã hội hóa: 162.270 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

4. Thời gian hoàn thành: Trước ngày 27/7/2017.

Điều 2. UBND Thành phố giao nhiệm vụ:

- Sở Lao động Thương binh và Xã hội:

+ Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính tham mưu UBND Thành phố phân bổ nguồn kinh phí ngân sách Trung ương, ngân sách Thành phố và nguồn kinh phí vận động xã hội hóa để thực hiện việc hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người có công cho các quận, huyện, thị xã.

+ Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Xây dựng xây hướng dẫn cụ thể, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, địa phương thực hiện việc hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho người có công với cách mạng theo Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 07/10/2016 của UBND Thành phố về Hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho người có công với cách mạng thành phố Hà Nội theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ hướng tới kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh-Liệt sỹ; tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố kết quả thực hiện.

- Sở Xây dựng:

+ Cung cấp mẫu thiết kế nhà ở gia đình người có công xây dựng và sửa chữa tham khảo.

+ Thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm trong việc thực hiện hỗ trợ về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09//2013/TT-BXD ngày 01/7/2013 của Bộ Xây dựng.

- Sở Tài chính:

+ Trình UBND Thành phố báo cáo, đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng cấp kinh phí hỗ trợ theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Cân đối, trình UBND Thành phố bố trí ngân sách Thành phố thực hiện việc hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người có công theo Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 07/10/2016 của UBND Thành phố.

+ Tiếp nhận nguồn kinh phí do các tổ chức, cá nhân ủng hộ xây, sửa nhà cho người có công.

+ Hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng, thanh quyết toán các nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính vận động các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố ủng hộ kinh phí để hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho người có công với cách mạng.

- Sở Thông tin và truyền thông: Chỉ đạo, hướng dẫn Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội, các cơ quan báo chí của Thành phố, hệ thống truyền thanh các quận, huyện, thị xã tổ chức tuyên truyền Kế hoạch và kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Ban Thi đua khen thưởng Thành phố: Chủ trì, phối hợp Sở Lao động Thương binh và Xã hội xây dựng Kế hoạch tổ chức phát động thi đua thực hiện các hoạt động chăm sóc người có công với cách mạng hướng tới kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ; phối hợp Sở Xây dựng, Sở Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn, trình UBND Thành phố xem xét khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu có nhiều thành tích đóng góp trong việc hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng thành phố Hà Nội theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- UBND các quận, huyện, thị xã:

+ Xây dựng Kế hoạch triển khai của địa phương, công bố công khai đối tượng được hỗ trợ và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 07/10/2016 của UBND Thành phố.

+ Chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện việc hỗ trợ người có công về nhà ở. Thanh tra,



kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong việc thực hiện hỗ trợ nhà ở theo thẩm quyền.

+ Quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo đảm công khai, đúng quy định; phân bổ kinh phí cho UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện. Tuyên truyền, vận động gia đình, dòng họ, người thân và cộng đồng dân cư đóng góp, ủng hộ kinh phí để hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho người có công với cách mạng trên địa bàn.

+ Tổng hợp, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện việc hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho người có công với cách mạng gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội trước ngày 10 hàng tháng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Lao động Thương binh và Xã hội, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Thông tin Truyền thông; Trưởng ban Thi đua Khen thưởng Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã, các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ : Tài chính, xây dựng;
- TTr : Thành ủy, HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- VPUB: PCVP_{N,N.Ký, T.V.Đang}, TH, NC, KT, VX;
- Lưu: VT, KT (2b).

39639(55^b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung



TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ XÂY DỰNG, SỬA CHỮA VÈ NHÀ Ở CHO NGƯỜI CŨ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 5716/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Quận, huyện, thị xã	HỘ NCC chưa được hỗ trợ báo cáo T8/2016							Dự kiến nguồn kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)						
		Tổng số hộ đề nghị hỗ trợ	Xây mới (hộ)			Sửa chữa (hộ)			Nguồn kinh phí TW, TP, các Quận			Nguồn kinh phí vận động XHH			Tổng cộng kinh phí hỗ trợ
			Đã tự xây mới nhưng chưa được hỗ trợ (hộ)	Chưa xây mới (hộ)	Tổng cộng (hộ)	Đã tự sửa chữa nhưng chưa được hỗ trợ (hộ)	Chưa sửa chữa (hộ)	Tổng cộng (hộ)	Nguồn kinh phí TW, TP		Tổng cộng	Hỗ trợ thêm KP xây mới (30tr/hộ)	Hỗ trợ thêm KP sửa chữa (15tr/hộ)	Tổng cộng	
									Xây mới (40 tr/hộ)	Sửa chữa (20 tr/hộ)					
1	Hoàn Kiếm	73	0	6	6	9	58	67	240	1,340	1,580	180	1,005	1,185	2,765
2	Đống Đa	117	3	8	11	35	71	106	440	2,120	2,560	330	1,590	1,920	4,480
3	Ba Đình	26	1	3	4	5	17	22	160	440	600	120	330	450	1,050
4	Hai Bà Trưng	11	1	1	2	0	9	9	80	180	260	60	135	195	455
5	Tây Hồ	62	1	11	12	4	46	50	480	1,000	1,480	360	750	1,110	2,590
6	Cầu Giấy	11	0	0	0	3	8	11	0	220	220	0	165	165	385
7	Hoàng Mai	104	0	6	6	18	80	98	240	1,960	2,200	180	1,470	1,650	3,850
8	Long Biên	12	0	1	1	5	6	11	40	220	260	30	165	195	455
9	Thanh Xuân	20	2	3	5	5	10	15	200	300	500	150	225	375	875
10	Hà Đông	45	5	15	20	0	25	25	800	500	1,300	600	375	975	2,275
11	Bắc Từ Liêm	30	2	0	2	8	20	28	80	560	640	60	420	480	1,120
12	Nam Từ Liêm	0			0			0	0		0	0	0	0	0
13	Đông Anh	368	94	99	193	22	153	175	7,720	3,500	11,220	5,790	2,625	8,415	19,635
14	Sóc Sơn	201	29	66	95	19	87	106	3,800	2,120	5,920	2,850	1,590	4,440	10,360
15	Gia Lâm	206	23	51	74	41	91	132	2,960	2,640	5,600	2,220	1,980	4,200	9,800
16	Thanh Trì	219	26	55	81	51	87	138	3,240	2,760	6,000	2,430	2,070	4,500	10,500
17	Ba Vì	293	41	122	163	15	115	130	6,520	2,600	9,120	4,890	1,950	6,840	15,960
18	Chương Mỹ	699	146	299	445	65	189	254	17,800	5,080	22,880	13,350	3,810	17,160	40,040
19	Đan Phượng	110	54	28	82	17	11	28	3,280	560	3,840	2,460	420	2,880	6,720
20	Hoài Đức	119	27	23	50	19	50	69	2,000	1,380	3,380	1,500	1,035	2,535	5,915
21	Mỹ Đức	141	12	24	36	24	81	105	1,440	2,100	3,540	1,080	1,575	2,655	6,195
22	Phú Xuyên	1,121	256	151	407	345	369	714	16,280	14,280	30,560	12,210	10,710	22,920	53,480
23	Phúc Thọ	475	155	95	250	76	149	225	10,000	4,500	14,500	7,500	3,375	10,875	25,375
24	Quốc Oai	316	71	96	167	35	114	149	6,680	2,980	9,660	5,010	2,235	7,245	16,905
25	Thạch Thất	136	51	40	91	25	20	45	3,640	900	4,540	2,730	675	3,405	7,945
26	Thanh Oai	684	284	116	400	163	121	284	16,000	5,680	21,680	12,000	4,260	16,260	37,940
27	Thường Tín	455	98	124	222	57	176	233	8,880	4,660	13,540	6,660	3,495	10,155	23,695
28	Ứng Hòa	440	100	135	235	63	142	205	9,400	4,100	13,500	7,050	3,075	10,125	23,625
29	Mê Linh	673	146	247	393	45	235	280	15,720	5,600	21,320	11,790	4,200	15,990	37,310
30	Sơn Tây	131	21	46	67	16	48	64	2,680	1,280	3,960	2,010	960	2,970	6,930
	Tổng cộng	7,298	1,649	1,871	3,520	1,190	2,588	3,778	140,800	75,560	216,360	105,600	56,670	162,270	378,630